

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-PT
Ngày 27 - 7 - 2022
V/v tranh chấp nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp nợ hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Diễm P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Đồng bị đơn:* Ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y, sinh năm 1978 (Ông H vắng mặt; bà Y có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Danh Sa M, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp N, thị trấn L, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Diễm P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 10/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào trước năm 2011 bà Phạm Thị Diễm P có làm chủ hộ, vợ chồng ông H và bà Y có tham gia chơi nhiều chung hộ, do thời gian đã lâu nên không nhớ loại hộ, các phần hộ và số hộ viên là bao nhiêu. Đến năm 2011 giữa bà P và ông H, bà Y tổng kết nợ ông H và bà Y còn nợ lại số tiền 207.850.000 đồng. Từ năm 2011 đến tháng 4 năm 2021 ông H và bà Y trả được số tiền 84.050.000 đồng, tính từ tháng 5/2021 đến nay ông H, bà Y còn nợ lại số tiền hộ là 123.800.000 đồng. Nay bà P yêu cầu ông H, bà Y cùng có trách nhiệm trả số tiền hộ là 123.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 01/01/2017 mức lãi suất 9%/năm, từ ngày 02/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/3/2022 với mức lãi suất 10%/năm. Tổng cộng tiền lãi là 120.342.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ trên. Ngoài yêu cầu trên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Kim Y trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, bà thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hộ 123.800.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền nợ hộ 123.800.000 đồng cho bà P, số tiền bà hót hộ sử dụng trong gia đình, bà xác định đây là nợ chung của bà và ông H. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Y xác định đây là nợ riêng của bà không liên quan với ông H vì mọi giao dịch tham gia hộ với bà P là do bà thực hiện, đối với số tiền lãi chậm thanh toán bà không đồng ý tính từ ngày 01/01/2012, bà chỉ đồng ý tính lãi từ ngày bà ngưng trả tiền cho bà P là từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất Nhà nước quy định.

- Bị đơn ông Trần Chí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và cũng không có lời khai tại Tòa án.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Diễm P đòi nợ hộ đối với ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y.

Buộc ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Diễm P số tiền 133.951.600 đồng, trong đó số tiền hộ gốc là 123.800.000 đồng và lãi là 10.151.600 đồng.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Diễm P đòi ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y trả số tiền lãi hộ là 110.190.400 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 4 năm 2022 bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn ông Trần Chí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Sa M vắng mặt do có đơn xin vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 01/01/2012 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/tháng. Hội đồng xét xử, nhận thấy rằng:

[2.1] Bà P và bà Y thừa nhận có giao dịch chơi hụi với nhau và có chốt tiền nợ hụi vào năm 2011 là bà Y nợ bà P 207.850.000 đồng, đồng thời phía bà Y đã trả đến tháng 4/2021 là 84.050.000 đồng, còn nợ lại số tiền 123.800.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bà Trương Thị Mỹ L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2012 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Xét thấy, bà P cho rằng bà Y đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hụi từ thời điểm chốt hụi. Tuy nhiên, việc chốt tiền nợ hụi này, các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán, đồng thời theo Bản kê trả tiền do bà P cung cấp thể hiện bà Y trả dần khoản tiền cho bà P, bà P xác định đến tháng 5/2021 bà

Y không đóng tiền cho bà P nên bà P khởi kiện yêu cầu bà Y trả nợ. Mặt khác, bị đơn không đồng ý trả tiền lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tiền lãi từ ngày 01/01/2012 mà chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi từ thời điểm bà P đòi nợ từ ngày 01/5/2021 là phù hợp.

[2.3] Về mức lãi suất chậm thanh toán từ ngày 01/5/2021 đến ngày 29/3/2022 bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền kháng cáo không đồng ý lãi suất 9%/năm, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận mức lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Như đã phân tích [2.2] khi chốt nợ bà P và bà Y không có thỏa thuận gì về lãi suất và không đặt ra vấn đề tính lãi đối với khoản nợ mà bà Y và ông H thiếu, hơn nữa bà Y nợ bà P từ năm 2011 nên không thể áp dụng Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất như kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Do đó, bản án sơ thẩm áp dụng lãi suất theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng Việt Nam đồng là 9%/năm để tính lãi đối với tranh chấp giữa bà P và bà Y là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu..

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Diễm P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 148, 244, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Diễm P; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Diễm P đòi nợ hụi với ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y.

Buộc ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Diễm P số tiền 133.951.600 đồng (trong đó, số tiền hụi gốc là 123.800.000 đồng và lãi 10.151.600 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Diễm P đòi ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y trả số tiền lãi hụi 110.190.400 đồng.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Diễm P phải nộp số tiền 5.509.520 đồng. Bà Phạm Thị Diễm P đã nộp tạm ứng án phí 3.095.000 đồng theo Biên lai thu số 0004837 ngày 28/10/2021 được chuyển thu án phí, bà Phạm Thị Diễm P còn phải nộp tiếp số tiền 2.414.520 đồng. Ông Trần Chí H và bà Huỳnh Kim Y phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 6.697.580 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Diễm P phải chịu 300.000 đồng. Bà Trương Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của bà P đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005137 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu Tô HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều